

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-PT
Ngày 24-02-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Ngọc Mai

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 434/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 384/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thượng H, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: đường số 11, KDC Hiệp Thành, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Tấn T, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 178/2, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020).

- Bị đơn: Ông Phùng Tấn K, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 95, khu 10, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 1987;

Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1985,

Cùng địa chỉ: Phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thượng H.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐKNPT-VKS-DS ngày 23/9/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/12/2017, ông Nguyễn Thượng H và ông Phùng Tấn K ký hợp đồng sang nhượng tài sản bao gồm toàn bộ các vật dụng, trang thiết bị trong quán P tại phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Việc ký hợp đồng có ông Đoàn Minh T1 làm chứng.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, giá trị toàn bộ tài sản là 520.000.000 đồng, ông K thanh toán số tiền 120.000.000 đồng tại thời điểm ký hợp đồng, số tiền còn lại ông K phải thanh toán trong thời gian 40 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng vào ngày 18 – 25 hàng tháng. Thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày 18/12/2018 cho đến hết ngày 18/4/2022.

Thực hiện hợp đồng, ông K đã thanh toán số tiền 120.000.000 đồng và 11 tháng với số tiền 110.000.000 đồng (trong thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 11/2019).

Từ tháng 12/2019 cho đến nay, ông K không thanh toán số tiền còn lại theo đúng hợp đồng. Số tiền còn lại ông K phải thanh toán là 290.000.000 đồng. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy hợp đồng sang nhượng tài sản lập ngày 18/12/2017 giữa ông Nguyễn Thượng H và ông Phùng Tấn K.

Buộc ông Phùng Tấn K thanh toán cho ông Nguyễn Thượng H số tiền 290.000.000 đồng.

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Trước đây (ông K không nhớ rõ thời gian cụ thể), ông K, ông Nguyễn Quốc D và bà N có thỏa thuận sang nhượng lại quán P tại phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ ông Nguyễn Thượng H. Ông K đại diện ký hợp đồng với ông H. Giữa ông K và ông H có lập hợp đồng sang nhượng tài sản là toàn bộ tài sản bao gồm các vật dụng, trang thiết bị trong quán P bao gồm mặt bằng, trang thiết bị phục vụ kinh doanh quán ăn...

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, giá trị toàn bộ tài sản là 520.000.000 đồng, ông K thanh toán số tiền 120.000.000 đồng tại thời điểm ký hợp đồng. Số tiền 120.000.000 đồng là tiền do ông K, ông D, bà N cùng góp vốn để kinh doanh. Số tiền còn lại ông K phải thanh toán trong thời gian 40 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng

vào ngày 18 – 25 hàng tháng. Thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày 18/12/2018 cho đến hết ngày 18/4/2022.

Sau khi ký hợp đồng, ông K, ông D và bà N mở quán APPLE Bia được 06 tháng thì giữa ông K, ông D, bà N nảy sinh mâu thuẫn nên ông K đã rút phần vốn, không tiếp tục hợp tác. Các nội dung của hợp đồng với ông H do ông D và bà N tiếp tục thực hiện. Sau khi ông D, bà N quản lý quán thì xảy ra cháy nên toàn bộ tài sản hai bên thỏa thuận mua bán hiện nay không còn, mặt bằng thì chủ đất đã lấy lại. Do đó, đối với số tiền thanh toán hàng tháng trong thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 11/2019 với số tiền 110.000.000 đồng như ông H trình bày thì ông K không biết.

Ông K xác định hiện không còn liên quan đến hợp đồng mua bán đã ký kết với ông H nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ N trình bày:

Khoảng đầu năm 2018, bà N, ông Nguyễn Quốc D và ông Phùng Tấn K hợp tác kinh doanh quán APPLE Bia. Quá trình kinh doanh chung được hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn trong việc quản lý, kinh doanh nên giữa bà N, ông D và ông K đã thỏa thuận để ông K rút phần vốn góp trong quán. Tại thời điểm ông K rút vốn, các bên đã thống nhất giải quyết hết các vấn đề, nợ nần phát sinh của quán. Sau đó, bà Nguyễn Ngọc Anh T (vợ ông D) tiếp nhận việc quản lý quán. Quá trình bà T, bà N quản lý thì thanh toán trực tiếp tiền thuê mặt bằng quán cho ông Đoàn Minh T1 với số tiền 28.000.000 đồng/tháng. Khi làm ăn cùng thì ông K có nhờ bà N, ông D chuyển giúp cho ông H một số tiền (hiện nay bà N không nhớ chuyển bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền), sau đó ông K gửi tiền mặt lại cho ông D, bà N. Tháng 12/2019, quán bị cháy nên bà T, bà N đã ngừng kinh doanh đến nay và cũng đã thỏa thuận với ông T1 về việc chấm dứt việc thuê mặt bằng.

Do đó, đối với tranh chấp giữa ông Nguyễn Thượng H và ông Phùng Tấn K thì bà N không liên quan. Bà N không biết việc thỏa thuận mua bán giữa ông H và ông K như thế nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Ngọc Anh T và ông Nguyễn Quốc D thống nhất trình bày:

Khoảng đầu năm 2018, ông Nguyễn Quốc D, bà Phạm Thị Mỹ N và ông Phùng Tấn K hợp tác kinh doanh quán APPLE Bia. Quá trình kinh doanh chung, được hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn trong việc quản lý, kinh doanh nên giữa bà N, ông D và ông K đã thỏa thuận để ông K rút phần vốn góp trong quán. Tại thời điểm ông K rút vốn, các bên đã thống nhất giải quyết hết các vấn đề, nợ nần phát sinh của quán. Sau đó, bà Nguyễn Ngọc Anh T (vợ ông D) tiếp nhận việc quản lý quán. Quá trình bà T, bà N quản lý thì thanh toán trực tiếp tiền thuê mặt bằng quán cho ông Đoàn Minh T1 với số tiền 28.000.000 đồng/tháng. Khi làm ăn cùng thì ông K có nhờ bà N, ông D chuyển giúp cho ông H một số tiền (hiện nay bà N không nhớ chuyển bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền), sau đó ông K gửi tiền mặt lại cho ông D, bà N. Tháng 12/2019, quán bị cháy nên bà T, bà N đã ngừng kinh doanh đến nay và cũng đã thỏa thuận với ông T1 về việc chấm dứt việc thuê mặt bằng.

Do đó, đối với tranh chấp giữa ông Nguyễn Thượng H và ông Phùng Tấn K thì bà N không liên quan. Bà N không biết việc thỏa thuận mua bán giữa ông H và ông K như thế nào.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thượng H đối với bị đơn ông Phùng Tấn K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

1.1. Công nhận hợp đồng mua bán tài sản (Hợp đồng sang nhượng tài sản) giữa ông Nguyễn Thượng H và ông Phùng Tấn K.

1.2. Ông Phùng Tấn K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thượng H số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và phải tiếp tục thanh toán mỗi tháng số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào ngày 18 đến 25 hàng tháng, thời gian thanh toán kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi thanh toán hết số tiền còn lại là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thượng H đối với bị đơn ông Phùng Tấn K về việc hủy hợp đồng mua bán tài sản (Hợp đồng sang nhượng tài sản lập ngày 18/12/2017) giữa ông Nguyễn Thượng H và ông Phùng Tấn K.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 23/9/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Thượng H (do ông Đỗ Tấn T đại diện) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐKNPT-VKS-DS ngày 23/9/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐKNPT-VKS-DS ngày 23/9/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của những người liên quan là ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Ngọc Anh T (bút lục 34) và bà Phạm Thị Mỹ N (bút lục 35). Qua nội dung lời khai của bà N, ông D thể hiện rõ giữa bà N, ông D và ông K có hợp tác làm ăn kinh doanh chung quán APPLE Bia (quán do ông K đứng ra mua tài sản), ông K đã rút vốn góp trong quán, các bên đã thống nhất

giải quyết hết các vấn đề nợ nần phát sinh. Tuy nhiên, Tòa án chưa làm rõ việc các bên tiến hành hợp tác kinh doanh từ thời điểm nào? Hình thức góp vốn ra sao? Các bên có thỏa thuận ai là người đứng ra đại diện khi mua bán sang nhượng tài sản trong quán? Thời gian nào ông K rút vốn? Các bên đã thống nhất giải quyết vấn đề nợ nần cụ thể ra sao? Trường hợp ông K đã rút vốn, vấn đề nợ nần đã được giải quyết thì trách nhiệm về tài sản trong quán thuộc về ông K hay thuộc về ông D, bà N? Thực tế, bản chất của hợp đồng mua bán tài sản được xuất phát từ hợp đồng góp vốn làm ăn kinh doanh chung của ông D, bà N và ông K không? Nếu bản chất đây là hợp đồng góp vốn thì phải giải quyết trong cùng vụ án để vụ án được giải quyết triệt để, tránh tình trạng kéo dài giải quyết thêm một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Bên cạnh đó, hợp đồng mua bán tài sản không thể hiện ngày nhưng các bên đều xác định vào ngày 18/12/2017 là ngày các bên ký kết hợp đồng, hợp đồng không thỏa thuận cụ thể về mua bán tài sản gì; sau khi ký hợp đồng thì việc thanh toán tiền từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 ai là người thanh toán và thanh toán được bao nhiêu? Ông H thừa nhận ông K trả tiền từ tháng 01/2019 đến 11/2019 với số tiền 110.000.000 đồng nhưng thực chất tiền này chuyển từ tài khoản của ông D qua tài khoản của ông H. Nếu ông D không liên quan gì trong hợp đồng này thì tại sao trong một thời gian dài ông D đều chuyển tiền cho ông H với nội dung chuyển “quán Apple chuyển tiền thuê nhà”.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương. Kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy Bản án sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Tấn T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thượng H; bị đơn ông Phùng Tấn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Mỹ N, bà Nguyễn Ngọc Anh T và ông Nguyễn Quốc D vắng mặt, do có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Thượng H khởi kiện ông Phùng Tấn K yêu cầu: Hủy hợp đồng sang nhượng tài sản lập ngày 18/12/2017 giữa ông Nguyễn Thượng H và ông Phùng Tấn K; buộc ông Phùng Tấn K thanh toán cho ông Nguyễn Thượng H số tiền 290.000.000 đồng là số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng sang nhượng tài sản năm 2017 (không đề ngày). Ông Phùng Tấn K thừa nhận việc ký kết hợp đồng nhưng ông K cho rằng vào năm 2017, ông K, ông Nguyễn Quốc D và bà Mỹ Nhân có thỏa thuận sang nhượng lại quán P tại phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ ông Nguyễn Thượng H, do ông K đứng ra đại diện ký hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, ông K, ông

D và bà N mở quán APPLE Bia được 06 tháng thì giữa ông K và ông D, bà N nảy sinh mâu thuẫn nên ông K đã rút phần vốn, không tiếp tục hợp tác với ông D, bà N và đã chuyển giao hợp đồng với ông H cho ông D và bà N tiếp tục thực hiện. Do đó, ông K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Xét quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận: Ngày 18/12/2017, ông Nguyễn Thượng H và ông Phùng Tấn K ký kết hợp đồng sang nhượng tài sản bao gồm toàn bộ các vật dụng, trang thiết bị để kinh doanh quán ăn; tổng giá trị sang nhượng là 520.000.000 đồng; tại thời điểm ký hợp đồng (ngày 18/12/2017), ông K thanh toán số tiền 120.000.000 đồng; số tiền còn lại ông K phải thanh toán trong thời gian 40 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng vào ngày 18 – 25 hàng tháng; thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày 18/12/2018 cho đến hết ngày 18/4/2022. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Tại Biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Ngọc Anh T (bút lục 34) và bà Phạm Thị Mỹ N (bút lục 35) thì ông D, bà T, bà N đều khai nhận khoảng đầu năm 2018, bà N, ông D và ông K hợp tác kinh doanh quán APPLE Bia; quá trình kinh doanh chung được hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn trong việc quản lý nên giữa bà N, ông D và ông K thỏa thuận để ông K rút vốn trong quán; tại thời điểm ông K rút vốn, các bên đã thống nhất giải quyết hết các vấn đề nợ nần phát sinh của quán, sau đó bà T (vợ ông D) tiếp nhận việc quản lý quán. Bị đơn ông K cũng xác định có việc hùn mở quán kinh doanh với ông D, bà N và việc rút vốn khi xảy ra mâu thuẫn; đồng thời, ông K cho rằng đã rút vốn và giao lại việc thực hiện hợp đồng với ông H cho ông D và bà N. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ việc hùn vốn giữa ông K, ông D và bà N có liên quan đến toàn bộ tài sản mà ông K đã mua của ông H theo Hợp đồng sang nhượng tài sản hay không? Gồm những tài sản gì? Khi ký kết hợp đồng với ông H, ông K ký với tư cách cá nhân hay đại diện cho ông D, bà N? Ông K rút vốn thời gian nào? Khi ông K rút vốn, các bên hùn vốn thỏa thuận như thế nào về việc phân chia quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng góp vốn? Có thỏa thuận liên quan đến việc tiếp tục thanh toán nợ cho ông H theo Hợp đồng sang nhượng tài sản hay không? Quyền về tài sản trong quán kinh doanh được giải quyết như thế nào? Có việc chuyển giao nợ theo Hợp đồng sang nhượng tài sản giữa ông K, bà N và ông D hay không? Ai chịu trách nhiệm trả nợ theo Hợp đồng sang nhượng tài sản cho ông H?...

[2.4] Mặt khác, ông H cho rằng sau khi ký kết hợp đồng, ông K đã thanh toán 120.000.000 đồng, sau đó từ tháng 01/2019 đến tháng 11/2019, ông K tiếp tục thanh toán cho ông H số tiền 110.000.000 đồng. Ông K cho rằng từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019, ông K không trả tiền cho ông H, ông K không biết gì về việc trả tiền này. Ông D, bà N thì cho rằng trong quá trình hùn vốn kinh doanh chung, ông K có nhờ ông D, bà N chuyển khoản cho ông H một số tiền, sau đó ông K sẽ trả lại tiền mặt cho ông D, bà N. Tuy nhiên, tại Sao kê tài khoản của ông H (bút lục 57 – 80) thể hiện từ tháng 02/2019 đến tháng 11/2019, ông D là người chuyển khoản thanh toán cho ông H, mỗi tháng 10.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông D chuyển khoản cho ông H là tiền gì? Có phải là tiền thanh toán cho việc mua tài sản của ông H theo Hợp đồng sang nhượng tài sản hay không?.

[2.5] Nhận thấy, để xác định được ai có nghĩa vụ trả nợ cho ông H theo Hợp đồng sang nhượng tài sản ký kết giữa ông H và ông K thì phải làm rõ các vấn đề được phân tích nêu trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ đã tuyên buộc ông K phải thanh toán cho ông Nguyễn Thượng H số tiền 80.000.000 đồng và phải tiếp tục thanh toán mỗi tháng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào ngày 18 đến 25 hàng tháng, thời gian thanh toán kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi thanh toán hết số tiền còn lại 210.000.000 đồng là chưa có căn cứ vững chắc.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa điều tra thu thập đầy đủ chứng cứ, cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐKNPT-VKS-DS ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thượng H.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thượng H không phải chịu. Trả cho ông Nguyễn Thượng H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050463 ngày 01/10/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc